

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo tài chính riêng cho năm
tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 4 tháng 8 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Seokhee Won	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên
	(đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
	(đến ngày 27 tháng 1 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Seokhee Won	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Kim Nhung	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 31 tháng 5 năm 2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.349.274.001.384	3.490.098.962.467
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127
Tiền	111		20.951.755.028	21.127.905.127
Các khoản tương đương tiền	112		4.675.600.000.000	1.427.300.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.279.948.841.175	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.279.948.841.175	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.283.852.563.033	1.959.248.299.418
Phải thu của khách hàng	131		333.636.196.490	235.284.660.618
Trả trước cho người bán	132		6.589.975.715	13.677.115.034
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.663.716.876.592	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(a)	2.279.909.514.236	1.710.262.866.408
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	23.657.358
Hàng tồn kho	140	8	79.445.760.231	74.417.177.160
Hàng tồn kho	141		79.725.053.827	74.417.177.160
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(279.293.596)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.475.081.917	8.005.580.762
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.475.081.917	8.005.580.762

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.087.719.815.800	11.204.779.099.500
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.667.561.158	7.122.192.702.433
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	-	6.729.614.068.000
Phải thu dài hạn khác	216	6(b)	20.667.561.158	392.578.634.433
Tài sản cố định	220		277.006.087.390	247.958.046.201
Tài sản cố định hữu hình	221	9	59.257.935.176	21.663.329.256
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>98.550.132.221</i>	<i>55.023.312.767</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(39.292.197.045)</i>	<i>(33.359.983.511)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	10	217.748.152.214	226.294.716.945
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>275.063.053.160</i>	<i>252.094.429.044</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(57.314.900.946)</i>	<i>(25.799.712.099)</i>
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.413.036.077	58.811.350.148
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	4.413.036.077	58.811.350.148
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.665.771.509.348	3.689.300.009.348
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	4.665.771.509.348	3.689.300.009.348
Tài sản dài hạn khác	260		119.861.621.827	86.516.991.370
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.445.534.013	2.754.250.001
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		107.416.087.814	83.762.741.369
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.436.993.817.184	14.694.878.061.967

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.246.769.360.739	3.236.974.822.672
Nợ ngắn hạn	310		4.246.769.360.739	3.236.974.822.672
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.671.575.048.391	1.668.709.011.239
Người mua trả tiền trước	312		9.751.691.244	18.176.167.311
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	107.811.056.859	120.793.427.371
Phải trả người lao động	314		-	8.615.000
Chi phí phải trả	315	15	581.410.189.142	463.366.354.814
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	16.908.965.636	12.480.468.364
Vay ngắn hạn	320	17	1.859.312.409.467	953.440.778.573
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.190.224.456.445	11.457.903.239.295
Vốn chủ sở hữu	410	18	11.190.224.456.445	11.457.903.239.295
Vốn cổ phần	411	19	5.381.601.170.000	5.351.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	5.088.056.394.992	5.088.056.394.992
Cổ phiếu quỹ	415	19	(1.640.252.631.255)	(1.640.252.631.255)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.360.819.522.708	2.658.498.305.558
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.436.993.817.184	14.694.878.061.967

Ngày 24 tháng 1 năm 2017


 Người lập:


 Huynh Việt Thăng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hoàng Tùng
 Giám đốc Tài chính


 Seokhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Từ ngày		Từ ngày		2015
		1/10/2016 đến 31/12/2016 VND	1/10/2015 đến 31/12/2015 VND	2016	VND	
01	21	3.295.395.199.402	3.347.720.130.202	10.032.147.674.239	10.174.195.100.613	
02	21	10.889.501.151	8.163.368.162	48.158.301.706	71.832.319.926	
10	21	3.284.505.698.251	3.339.556.762.040	9.983.989.372.533	10.102.362.780.687	
11	22	2.491.531.681.966	2.481.385.837.384	7.903.907.443.330	7.947.121.126.438	
20		792.974.016.285	858.170.924.656	2.080.081.929.203	2.155.241.654.249	
21	23	2.226.297.697.189	2.245.698.390.957	2.892.135.160.332	3.521.239.018.209	
22	24	17.626.725.867	18.745.164.149	62.410.130.203	297.519.766.440	
23		17.304.497.238	21.012.973.143	61.931.658.334	274.251.034.939	
25		589.116.694.325	630.462.677.390	1.915.086.900.586	1.900.021.436.192	
26		72.258.308.535	89.107.683.990	371.593.863.165	321.988.979.295	
30		2.340.269.984.747	2.365.553.790.084	2.623.126.195.581	3.156.950.490.531	
31		65.775.986	331.987.170	494.671.696	1.176.582.166	
32		21.211.743	-	1.756.466.149	38.017.495	
40		44.564.243	331.987.170	(1.261.794.453)	1.138.564.671	
50		2.340.314.548.990	2.365.885.777.254	2.621.864.401.128	3.158.089.055.202	

(mang sang trang sau)

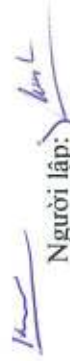
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày		Từ ngày 1/10/2015 đến 31/12/2015 VND	2016		2015
			1/10/2016 đến 31/12/2016 VND	2.340.314.548,990		2.621.864.401,128	VND	
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) (mang từ trang trước sang)	50		2.340.314.548,990	2.365.885.777,254	2.621.864.401,128	3.158.089.055,202		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	51		47.099.875,223	83.215.986,503	47.099.875,223	207.173.460,636		
Lợi ích thuế TNDN - hoãn lại	52		(33.360.796,614)	(8.973.288,894)	(23.653.346,445)	(48.432.138,169)		
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.326.575.470,381	2.291.643.079,645	2.598.417.872,350	2.999.347.732,735		

Ngày 24 tháng 1 năm 2017

Người lập: 

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Tùng
 Giám đốc Tài chính



Sookhee Won
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.621.864.401.128	3.158.089.055.202
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	45.464.450.213	21.052.381.892
Các khoản dự phòng	03	9.503.958.579	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	26.357.930	91.954.845
Lỗi/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05	1.726.020.769	(50.000.000)
Thu nhập lãi, cổ tức và thu nhập liên quan từ các hoạt động đầu tư	05	(2.891.333.787.157)	(3.520.829.569.983)
Chi phí lãi vay	06	61.931.658.334	274.251.034.939
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(150.816.940.204)	(67.395.143.105)
Biến động các khoản phải thu	09	(89.575.534.425)	18.323.295.000
Biến động hàng tồn kho	10	(14.532.541.650)	(9.523.636.444)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	120.547.947.949	(52.033.933.326)
Biến động chi phí trả trước	12	772.568.899	(3.512.557.038)
		(133.604.499.431)	(114.141.974.913)
Tiền lãi vay đã trả	14	(61.342.661.027)	(401.850.265.801)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(66.057.681.306)	(490.036.235.694)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(261.004.841.764)	(1.006.028.476.408)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(31.962.539.433)	(164.853.279.499)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22	2.994.089.006	16.404.545.454
Tiền chi cho vay	23	(3.559.078.712.592)	(8.285.000.000.000)
Tiền thu hồi từ cho vay	24	6.735.714.068.000	11.225.158.802.265
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(27.675.348.841.175)	(22.536.056.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	26.395.400.000.000	25.017.256.000.000
Tiền chi đầu tư vào các công ty con	25	(976.471.500.000)	(1.979.496.220.000)
Tiền thu từ thanh lý công ty con	26	-	1.209.140.526.840
Tiền thu lãi và lợi nhuận được chia	27	2.687.221.202.240	3.514.543.260.861
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	3.578.467.766.046	8.017.097.635.921
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000.000	38.337.950.000
Tiền thu từ đi vay	33	5.453.343.599.258	6.322.196.322.786
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.547.471.968.364)	(10.490.579.224.018)
Tiền chi trả cổ tức	36	(1.005.186.769.200)	(3.080.229.986.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(69.315.138.306)	(7.210.274.937.232)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.248.147.785.976	(199.205.777.719)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.448.427.905.127	1.647.716.541.674
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.936.075)	(82.858.828)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN


*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2016 VND	2015 VND
♦ Cán trừ cổ tức phải trả với khoản cho vay phải thu từ Công ty mẹ	1.889.261.836.000	-


Ngày 24 tháng 1 năm 2017

Người lập: 

Người duyệt: 


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Tùng
Giám đốc Tài chính


Seokhee Won
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; sản xuất và mua bán đồ uống không cồn và nước khoáng; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“SKHĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 4 công ty con (1/1/2016: 3 công ty con) được liệt kê tại Thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.192 nhân viên (1/1/2016: 1.186 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Các báo cáo tài chính riêng được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thêm thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này nhất quán với chính sách kế toán áp dụng trong việc báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tại ngày kết thúc năm tài chính theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ nhà cửa | 4 - 6 năm |
| ▪ nâng cấp tài sản thuê | 3 - 5 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 - 7 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 - 7 năm |

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng từ 4 đến 10 năm.

(ii) Thương hiệu

Giá mua thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu phổ thông đã phát hành được mua lại, khoản tiền đã trả để mua lại bao gồm chi phí liên quan trực tiếp, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ thuộc vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra cho mục đích tái phát hành, giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu tái phát hành được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và các khoản thu nhập liên quan, tiền thu và thu nhập liên quan từ thanh lý lợi ích vốn chủ sở hữu, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá và lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức/lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức/lợi nhuận của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí liên quan, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản liên quan này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Công ty, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Công ty và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền mặt	70.049.263	215.099.554
Tiền gửi ngân hàng	20.881.705.765	20.912.805.573
Các khoản tương đương tiền	4.675.600.000.000	1.427.300.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4.696.551.755.028	1.448.427.905.127
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.279.948.841.175	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2016		1/1/2016	
	% sở hữu	Giá gốc VND	% sở hữu	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con:				
♦ Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	100%	1.856.000.009.348	100%	1.833.100.009.348
♦ Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	100%	2.745.000.000.000	100%	1.856.200.000.000
♦ Công ty TNHH Masan Consumer (Thailand)	99,99%	64.771.500.000	-	-
		<hr/>		<hr/>
		4.665.771.509.348		3.689.300.009.348
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn****(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải thu từ các công ty con		
▪ Lợi nhuận được chia phải thu	2.143.460.848.545	1.697.197.677.366
▪ Lãi dự thu	114.905.802.559	-
Lãi dự thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	19.461.623.060	3.022.707.778
Phải thu khác	2.081.240.072	10.042.481.264
	<u>2.279.909.514.236</u>	<u>1.710.262.866.408</u>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi dự thu	-	373.495.304.103
Các khoản ký quỹ dài hạn	20.667.561.158	19.083.330.330
	<u>20.667.561.158</u>	<u>392.578.634.433</u>

7. Phải thu cho vay ngắn và dài hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	1.663.716.876.592	-
Cho vay dài hạn	-	6.729.614.068.000
	<u>1.663.716.876.592</u>	<u>6.729.614.068.000</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Hàng tồn kho

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.237.879.500	-	5.608.827.868	-
Nguyên vật liệu	9.974.429.552	-	18.443.145.481	-
Công cụ và dụng cụ	55.000.000	-	55.000.000	-
Thành phẩm	24.604.198	-	-	-
Hàng hóa	66.433.140.577	(279.293.596)	50.310.203.811	-
	79.725.053.827	(279.293.596)	74.417.177.160	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	-	36.906.114
Tăng dự phòng trong năm	9.503.958.579	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(9.224.664.983)	(36.906.114)
Số dư cuối năm	279.293.596	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Nâng cấp tài sản thuế VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.874.006.264	10.622.457.648	22.524.526.753	3.630.219.980	16.372.102.122	55.023.312.767
Tăng trong năm	-	-	66.200.000	48.750.000	-	114.950.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	52.258.545.361	-	-	-	52.258.545.361
Thanh lý	(362.325.521)	(7.192.578.331)	(1.215.950.855)	-	(75.821.200)	(8.846.675.907)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	55.688.424.678	21.374.775.898	3.678.969.980	16.296.280.922	98.550.132.221
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.579.470.516	9.215.700.908	8.255.543.741	2.105.676.722	12.203.591.624	33.359.983.511
Khấu hao trong năm	28.479.623	10.268.545.627	2.060.559.380	501.583.141	1.090.093.595	13.949.261.366
Thanh lý	(96.269.396)	(7.102.686.302)	(763.332.386)	-	(54.759.748)	(8.017.047.832)
Số dư cuối năm	1.511.680.743	12.381.560.233	9.552.770.735	2.607.259.863	13.238.925.471	39.292.197.045
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	294.535.748	1.406.756.740	14.268.983.012	1.524.543.258	4.168.510.498	21.663.329.256
Số dư cuối năm	-	43.306.864.445	11.822.005.163	1.071.710.117	3.057.355.451	59.257.935.176

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Phần mềm máy tính VND	Thương hiệu VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	251.458.065.408	636.363.636	252.094.429.044
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.968.624.116	-	22.968.624.116
Số cuối năm	274.426.689.524	636.363.636	275.063.053.160
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	25.176.984.822	622.727.277	25.799.712.099
Khấu hao trong năm	31.501.552.488	13.636.359	31.515.188.847
Số cuối năm	56.678.537.310	636.363.636	57.314.900.946
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	226.281.080.586	13.636.359	226.294.716.945
Số cuối năm	217.748.152.214	-	217.748.152.214

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2016 VND	2015 VND
Số đầu năm	58.811.350.148	192.320.297.276
Tăng trong năm	36.652.691.172	140.175.488.290
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(52.258.545.361)	(15.111.121.674)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(22.968.624.116)	(241.075.525.660)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.933.354.066)	(1.143.242.630)
Thanh lý	(3.890.481.700)	(16.354.545.454)
Số cuối năm	4.413.036.077	58.811.350.148

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước dài hạn****Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số đầu năm	2.754.250.001
Tăng trong năm	3.072.693.342
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11.933.354.066
Phân bổ trong năm	(5.314.763.396)
	<hr/>
Số cuối năm	<u>12.445.534.013</u>

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	1.671.575.048.391	1.671.575.048.391	1.668.709.011.239	1.668.709.011.239
	<hr/>		<hr/>	

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	57.164.701.911	52.195.476.424
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.305.568.458	67.263.374.541
Thuế thu nhập cá nhân	2.340.786.490	1.334.576.406
	<hr/>	<hr/>
	<u>107.811.056.859</u>	<u>120.793.427.371</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả**

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	393.270.494.395	317.172.981.836
Chi phí kho vận	71.474.210.434	23.629.710.924
Chi phí trưng bày	18.186.085.801	19.157.714.814
Thưởng và lương tháng 13	40.714.735.246	36.145.814.889
Chiết khấu bán hàng	14.927.432.751	20.313.629.886
Chi phí nghiên cứu thị trường	11.150.495.547	18.248.507.362
Chi phí lãi vay	1.433.606.998	844.609.691
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	95.718.000	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	2.085.688.819	7.562.223.180
Chi phí khác	28.071.721.151	20.291.162.232
	581.410.189.142	463.366.354.814

16. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	9.226.945.025	6.734.857.200
Ký quỹ ngắn hạn	-	900.000.000
Các khoản phải trả khác	7.682.020.611	4.845.611.164
	16.908.965.636	12.480.468.364

17. Vay ngắn hạn

	31/12/2016		1/1/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.859.312.409.467	1.859.312.409.467	953.440.778.573	953.440.778.573

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	5.313.263.220.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.740.561.071.857	11.501.628.055.594
Phát hành cổ phiếu	38.337.950.000	-	-	-	38.337.950.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.999.347.732.735	2.999.347.732.735
Cổ tức	-	-	-	(3.079.957.932.000)	(3.079.957.932.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.452.567.034)	(1.452.567.034)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.658.498.305.558	11.457.903.239.295
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	5.351.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.658.498.305.558	11.457.903.239.295
Phát hành cổ phiếu	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.598.417.872.350	2.598.417.872.350
Cổ tức	-	-	-	(2.896.096.655.200)	(2.896.096.655.200)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.381.601.170.000	5.088.056.394.992	(1.640.252.631.255)	2.360.819.522.708	11.190.224.456.445

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	538.160.117	5.381.601.170.000	535.160.117	5.351.601.170.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	1.640.252.631.255	18.000.000	1.640.252.631.255
Vốn cổ phần hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	5.088.056.394.992	-	5.088.056.394.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2016		2015	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm - hiện đang lưu hành	517.160.117	5.171.601.170.000	513.326.322	5.133.263.220.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	3.000.000	30.000.000.000	3.833.795	38.337.950.000
Số dư cuối năm - hiện đang lưu hành	520.160.117	5.201.601.170.000	517.160.117	5.171.601.170.000

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ

	31/12/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	442.583	10.055.480.535	602.475	13.495.446.272
		<u>10.055.480.535</u>		<u>13.495.446.272</u>

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và cung cấp dịch vụ, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Tổng doanh thu	10.032.147.674.239	10.174.195.100.613
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	22.348.923.650	19.842.224.237
▪ Hàng bán bị trả lại	25.809.378.056	51.990.095.689
Doanh thu thuần	<u>9.983.989.372.533</u>	<u>10.102.362.780.687</u>

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn hàng bán**

	2016 VND	2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn hàng bán	7.894.403.484.751	7.947.121.126.438
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.503.958.579	-
	<hr/>	<hr/>
	7.903.907.443.330	7.947.121.126.438

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	216.224.504.098	135.682.584.176
Thu nhập lãi từ đầu tư tài chính	170.217.699.008	910.286.511.477
Lợi nhuận điều chuyển từ các công ty con	2.504.891.584.051	2.474.860.474.330
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	790.433.623	409.448.226
Thu nhập tài chính khác	10.939.552	-
	<hr/>	<hr/>
	2.892.135.160.332	3.521.239.018.209

24. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay từ ngân hàng	61.931.658.334	274.251.034.939
Lỗ chênh lệch tỷ giá	447.926.819	23.268.731.501
Chi phí tài chính khác	30.545.050	-
	<hr/>	<hr/>
	62.410.130.203	297.519.766.440

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
		2016	2015	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND	VND	VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Thu hồi khoản cho vay	-	9.619.772.870.265	-	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	-	533.086.759.239	-	-
	Thu hồi lãi từ khoản cho vay	-	552.062.749.559	-	-
	Cổ tức đã phân phối	2.799.261.836.000	2.413.111.542.000	-	-
Các công ty con					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Phân phối lợi nhuận	2.504.891.584.051	2.474.860.474.330	10.925.756.293	152.518.462.649
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Bán hàng hóa	216.813.632.511	310.410.283.848	-	-
	Bán phế liệu	-	1.791.129.250	-	-
	Mua hàng hóa	3.806.669.294.926	4.947.712.183.820	(268.490.649.314)	(508.010.104.439)
	Chi phí lãi vay	-	201.240.670.579	-	-
	Thanh toán các khoản vay	6.100.000.000	-	-	-
	Cho vay	3.559.078.712.592	-	1.663.716.876.592	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cán trừ cổ tức phải trả	1.889.261.836.000	-	-	-
	Thu nhập lãi phải thu	114.905.802.559	-	114.905.802.559	-
	Phân phối lợi nhuận	-	-	845.466.699.032	1.038.200.444.756

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ Các công ty con	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
		2016	2015	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Mua hàng hóa	956.987.322.695	888.640.834.751	(293.403.208.653)	(344.787.532.659)
	Bán hàng hóa	19.777.683.529	21.997.342.021	-	-
	Bán phế liệu	-	26.954.900	-	-
	Phân phối lợi nhuận	-	-	209.362.343.040	254.925.839.485
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	Bán hàng hóa	14.955.550.322	19.205.827.698	-	-
	Bán phế liệu	-	723.232.834	-	-
	Bán tài sản cố định	41.221.616	-	-	-
	Mua hàng hóa	935.445.127.484	1.687.735.529.191	(32.291.494.140)	(328.825.060.298)
Phân phối lợi nhuận	-	-	83.077.588.453	251.552.930.476	
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	Bán hàng hóa	97.451.659.176	15.675.820.932	-	-
	Bán phế liệu	117.521.976	-	-	-
	Bán tài sản cố định	199.362.726	16.354.545.454	-	-
	Mua hàng hóa	2.394.555.820.788	493.197.354.693	(978.486.498.095)	(273.111.051.583)
Phân phối lợi nhuận	-	-	994.628.461.727	-	
Công ty Cổ phần Masan PQ	Bán hàng hóa	3.734.305	6.426.000	1.510.898.062	278.044.817
	Bán tài sản cố định	16.488.646	-	-	-
	Mua hàng hóa	7.799.600	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngự Phú Quốc	Bán hàng hóa	605.977.708	-	666.575.479	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Mối quan hệ Các công ty con	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
		2016	2015	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	Bán hàng hóa	52.836.007.262	41.656.092.963	-	5.244.745.846
	Bán phế liệu		374.899.600	-	-
	Bán tài sản cố định	9.743.291	-	-	-
	Mua hàng hóa	1.163.846.614	11.675.690.363	-	-
	Phí dịch vụ quản lý	151.605.481.216	138.890.025.831	111.638.116.313	57.419.560.879
Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại CDN	Bán hàng hóa	3.609.821	-	2.082.020	-
	Mua hàng hóa	623.341.390	-	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn	Mua hàng hóa	14.042.928.191	15.164.085.164	(4.014.833.237)	(3.675.717.232)
	Bán hàng hóa	743.079.942	1.112.328.972	-	-
Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hào	Mua hàng hóa	22.863.369	3.673.244.187	-	-
	Bán hàng hóa	21.437.933.775	12.552.495.964	3.259.383.364	(14.037.589.679)
	Bán phế liệu	-	11.687.350.000	-	-
	Thu nhập lãi từ khoản cho vay	-	2.718.146.765	-	-
	Phí dịch vụ quản lý	34.194.312.391	20.428.929.546	37.613.743.630	37.613.743.630
Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Bán hàng hóa	47.844.291	-	-	-

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(phải trả)	
		2016	2015	31/12/2016	1/1/2016
		VND	VND	VND	VND
Mối quan hệ					
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Master Brewery	Bán hàng hóa Mua hàng hóa	150.070 -	1.099.637 117.436.404	- -	- -
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	30.498.268	15.937.854	5.644.586	218.586.661
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Mua hàng hóa Bán hàng hóa Phi dịch vụ quản lý	491.267.362 784.580 28.990.613.560	175.592.727 307.692.000 15.185.119.012	- - 31.752.716.796	- - 16.639.970.914
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa Phi dịch vụ quản lý	27.771.151 2.722.076.448	- 6.325.115.667	30.548.266 3.802.486.744	- 6.957.627.234
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho Thành viên quản lý chủ chốt (*)	29.984.910.463	25.265.348.225	-	-

(*) Các thành viên quản lý chủ chốt trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được nhận bất cứ khoản phí hội hợp nào cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


26. Giải trình biến động lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 giảm 13% so với cùng kỳ năm trước. Nhân tố chính cho sự biến động chủ yếu do thu nhập thuần hoạt động tài chính giảm, số dư tiền bình quân năm 2016 thấp hơn do kết quả từ chi trả cổ tức.


27. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm


Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 24 tháng 1 năm 2017


Người lập:

Người duyệt:


Huỳnh Việt Thăng
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoàng Tùng
Giám đốc Tài chính



Seokhee Won
Tổng Giám đốc

)